

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124 /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

Thực hiện Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể; vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây gọi là Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ đáp ứng các tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Căn cứ vào lĩnh vực, địa bàn, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, trình độ phát triển của tổ chức kinh tế tập thể và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, các bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hợp tác xã theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của Chương trình, trong đó quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ cụ thể, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại Thông tư này.

2. Kinh phí thực hiện hỗ trợ Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 phải được quản lý và sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng.

3. Các nội dung chi chưa có quy định về mức chi thì thanh toán theo thực tế phát sinh (có hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ) nhưng phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI, Củng cố tổ chức kinh tế tập thể, HỢP TÁC XÃ

Điều 5. Đối tượng, nguồn kinh phí hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

Đối tượng, nguồn kinh phí hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện theo khoản 1 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

1. Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

a) Chi tổ chức các lớp tập huấn tập trung: Thực hiện theo chế độ chi hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định. Chi thù lao và các khoản chi khác cho giảng viên, báo cáo viên thực hiện theo mức chi thù lao theo quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Chi thông tin phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã:

- Chi biên soạn đề cương, giới thiệu Luật, Pháp lệnh, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo về kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;

- Chi tạo lập thông tin điện tử phục vụ công tác phổ biến pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Thủ trưởng cơ quan được cấp có thẩm quyền giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phổ biến chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung thông tin truyền thông và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc

trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

3. Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.

a) Đối với công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tư vấn: Được thanh toán chế độ công tác phí theo chế độ hiện hành.

b) Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là công chức, viên chức:

- Chi thù lao: 60.000 đồng/1 giờ hướng dẫn trực tiếp;
- Chi phí đi lại: Tối đa 50.000 đồng/1 ngày trong trường hợp đi, về trong ngày. Trường hợp đi tư vấn ở xa, phải nghỉ lại thì được thanh toán chế độ công tác phí như đối với công chức đi công tác theo quy định.

Mục 2

HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC, NHẬN THỨC CHO KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ

Điều 7. Đối tượng, điều kiện, nguồn kinh phí và mức hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

Đối tượng, điều kiện, nguồn kinh phí và mức hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể thực hiện theo quy định khoản 2 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp

1. Cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể: Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước: Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 9. Nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (thành viên, người lao động kinh tế tập thể)

1. Nội dung hỗ trợ đào tạo

Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo. Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương. Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo (26 ngày/ 01 tháng).

2. Nội dung hỗ trợ bồi dưỡng

a) Các thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể tham dự lớp bồi dưỡng được hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc; hỗ trợ chi phí đi lại từ trụ sở đến nơi học tập (trừ vé máy bay), tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b) Chi phí tổ chức, quản lý lớp học: Thực hiện theo quy định về chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 10. Nội dung hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể

Mức hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng. Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương.

Điều 11. Nội dung hỗ trợ xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể

1. Chi xây dựng khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Chi xây dựng dữ liệu điện tử khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến; vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012

của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Mục 3

HỖ TRỢ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN DỮ LIỆU, TUYÊN TRUYỀN, HỖ TRỢ VỀ KINH TẾ TẬP THỂ

Điều 12. Đối tượng, nguồn kinh phí hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể

Đối tượng, nguồn kinh phí hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Nội dung hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể

1. Chi vận hành và duy trì trang tin điện tử về kinh tế tập thể: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chi quản lý cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán: Thực hiện theo quy định về các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Mục 4

LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 14. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hàng năm; các bộ, ngành, địa phương lập dự toán ngân sách thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình gửi các cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật; quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Thông tư này để tổng hợp nhu cầu kinh phí của các Bộ, ngành, địa phương.

Điều 15. Chấp hành dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí

Việc chấp hành và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Chương III CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 16. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Đối với nhiệm vụ chi thuộc ngân sách địa phương: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng kinh phí nâng cao năng lực, nhận thức, thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn.

2. Đối với nhiệm vụ chi thuộc ngân sách Trung ương: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các đơn vị được giao kế hoạch hỗ trợ.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng năm, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể; vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể.

2. Nội dung báo cáo: Theo Đề cương tại Phụ lục số 01 và Biểu mẫu tại Phụ lục số 02, 03 kèm theo Thông tư này.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo hàng năm được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc bản sao điện tử, được gửi bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; gửi qua hệ thống phần mềm được liên thông giữa Bộ, ngành, địa phương.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Báo cáo gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia được lồng ghép kinh phí trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể theo Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 đang triển khai mà chưa thực hiện chi hỗ trợ thì thực hiện theo Thông tư này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 02 năm 2022.
2. Bãi bỏ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020.
3. Trường hợp các mức chi tại các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *tuw*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTgCP;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, Sở KH&ĐT, Kho bạc Nhà nước; các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Liên minh HTX VN, các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDN (250b). *tuw*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 202...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI, Củng cố tổ chức KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ (KTTT, HTX); HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC, NHẬN THỨC CHO KHU VỰC KTTT; VẬN HÀNH HỆ THỐNG TIN DỮ LIỆU, TUYÊN TRUYỀN HỖ TRỢ VỀ KTTT THEO CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kỳ báo cáo năm ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 124/BTC-TCĐN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Tình hình thực hiện, kết quả công tác hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX.

1.1. Tình hình thực hiện hỗ trợ

- Các nội dung hỗ trợ thực hiện trong năm báo cáo.
- Số lượng HTX, liên hiệp HTX được hỗ trợ.
- Tổng số kinh phí hỗ trợ, trong đó cụ thể theo nội dung hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ.

1.2. Kết quả, tác động của việc hỗ trợ đến hoạt động của HTX, liên hiệp HTX.

1.3. Hạn chế, nguyên nhân.

2. Tình hình thực hiện, kết quả công tác hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT, HTX

2.1. Tình hình thực hiện hỗ trợ

- Các nội dung hỗ trợ thực hiện trong năm báo cáo.
- Số lượt người được hỗ trợ.
- Tổng số kinh phí hỗ trợ, trong đó cụ thể theo nội dung hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ.

2.2. Kết quả, tác động của việc hỗ trợ đến đối tượng được hỗ trợ.

2.3. Hạn chế, nguyên nhân.

3. Tình hình thực hiện, kết quả công tác hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền hỗ trợ về KTTT

3.1. Tình hình thực hiện hỗ trợ

- Các nội dung hỗ trợ thực hiện trong năm báo cáo.
- Tổng số kinh phí hỗ trợ, trong đó cụ thể theo nội dung hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ.

3.2. Kết quả, tác động của việc hỗ trợ đến đối tượng được hỗ trợ.

3.3. Hạn chế, nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị./.

CƠ QUAN LẬP BÁO CÁO

(Thủ trưởng đơn vị ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Biểu mẫu số 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI,
CỦNG CỐ TỔ CHỨC KINH TẾ TẬP THỂ NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Lĩnh vực | Chỉ tiêu | Chi kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến về quy định pháp luật về KTTT, HTX | | Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ. | Chi hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX |
|-----|---|----------------------------|--|--|---|--|
| | | | Chi tổ chức các lớp tập huấn tập trung | Chi thông tin phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX | | |
| 001 | 002 | 003 | 004 | 005 | 006 | 007 |
| 001 | Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |
| 002 | Lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |
| 003 | Lĩnh vực xây dựng | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |

| STT | Lĩnh vực | Chỉ tiêu | Chi kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến về quy định pháp luật về KTTT, HTX | | Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ. | Chi hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX |
|-----|---------------------------------|----------------------------|--|--|---|--|
| | | | Chi tổ chức các lớp tập huấn tập trung | Chi thông tin phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX | | |
| 001 | 002 | 003 | 004 | 005 | 006 | 007 |
| 004 | Lĩnh vực giao thông vận tải | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |
| 005 | Lĩnh vực tín dụng | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |
| 006 | Lĩnh vực khác | Số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | |
| | | Số kinh phí hỗ trợ | | | | |
| 007 | Tổng số HTX, LH HTX được hỗ trợ | | | | | |
| 008 | Tổng kinh phí hỗ trợ | | | | | |

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Biểu mẫu số 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC, NHẬN THỨC CHO KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ
NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung hỗ trợ | Chi hỗ trợ nâng cao năng lực đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên | | | | | | | | | | | | Chi hỗ trợ nâng cao năng lực đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức KTTT | | Chi hỗ trợ lao động trẻ về làm việc tại tổ chức KTTT | Chi khác |
|-----|---------------------------|--|------------|---------------|------------|--|------------|---------------|------------|-------------|------------|---------------|------------|--|---------------|--|----------|
| | | Công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT | | | | Công chức, viên chức của Liên minh HTX các cấp, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội | | | | Giảng viên | | | | Chi đào tạo | Chi bồi dưỡng | | |
| | | Chi đào tạo | | Chi bồi dưỡng | | Chi đào tạo | | Chi bồi dưỡng | | Chi đào tạo | | Chi bồi dưỡng | | | | | |
| | | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài | Trong nước | Nước ngoài | Chi đào tạo | Chi bồi dưỡng | | |
| 003 | 004 | 005 | 006 | 007 | 008 | 009 | 010 | 011 | 012 | 013 | 014 | 015 | 016 | 017 | 018 | | |
| 001 | 002 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 001 | Số lượt người được hỗ trợ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 002 | Tổng kinh phí | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Ngoài các số liệu trên đề nghị báo cáo về số liệu chi hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT